UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 386/STP-QLXLVPHC&TDTHPL

Về việc tham gia ý kiến vào Dự Thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 6 năm 2016

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các tổ chức đại diện của Doanh nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Phê duyệt Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016, Sở Tư pháp đã soạn thảo dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tư pháp gửi dự thảo văn bản nêu trên đề nghị các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến, gửi Sở Tư pháp trước ngày 13/6/2016 để tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm phối hợp./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để tham gia);
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu VT, Phòng QLXLVPHC &TDTHPL.(Hà)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Thị Thược

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2016/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số...../TTr-STP ngày /..../2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy; (báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL, BTP;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Báo TQ, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, STP, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Minh Huấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là các Sở, ban, ngành).

2. Các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan Trung ương đóng tại địa phương).

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

5. Thủ trưởng các cơ quan của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

6. Các tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên, toàn diện, kịp thời, thống nhất, thông suốt, hiệu quả.

3. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan là đầu mối phối hợp và các cơ quan có liên quan.

4. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị liên quan; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc quản lý xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

2. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

3. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

4. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

5. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

6. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

7. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính;

8. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

9. Phối hợp giải quyết đối với các vụ việc phức tạp;

10. Phối hợp trong việc tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

11. Phối hợp hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Điều 5. Các hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; đề xuất các kiến nghị, giải pháp liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức họp, hội nghị, các hoạt động liên ngành, sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Biên soạn tài liệu, tổ chức tọa đàm, hội nghị, tập huấn.

5. Trao đổi, thống nhất về nội dung liên quan đến việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÁC NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong công tác xây dựng, rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chủ động rà soát, theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi chức năng, lĩnh vực quản lý, nhiệm vụ của đơn vị mình để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn hoặc gửi kiến nghị về Sở Tư pháp để tổng hợp.

b) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, chỉ đạo việc xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

2. Sở Tư pháp rà soát, theo dõi tình hình triển khai việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Phối hợp xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Trên cơ sở kế hoạch quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương, Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

c) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch; báo cáo các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện của các đơn vị, địa phương; đề xuất các giải pháp xử lý, tháo gỡ vướng mắc đối với các vấn đề phát sinh.

2. Các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý.

b) Phát hiện những bất cập, kịp thời báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức phổ biến, tuyên truyền pháp luật; tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, địa bàn do cơ quan, đơn vị quản lý.

2. Sở Tư pháp là đầu mối phối hợp, chịu trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính; cử báo cáo viên pháp luật; phối hợp với các cơ quan thông tin trong việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Điều 9. Phối hợp kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị được kiểm tra thực hiện việc báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị phục vụ công tác kiểm tra.

2. Các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Xây dựng báo cáo kết quả tự kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm thuộc lĩnh vực, địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

a) Thực hiện tự kiểm tra đối với từng hồ sơ xử lý vi phạm hành chính và chuẩn bị báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan mình.

b) Có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý của cơ quan mình liên quan đến nội dung kiểm tra cho Đoàn kiểm tra hoặc người có trách nhiệm kiểm tra; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; thực hiện kịp thời các kết luận, kiến nghị của Đoàn kiểm tra hoặc người được giao nhiệm vụ kiểm tra và gửi báo cáo kết quả xem xét xử lý các kiến nghị đến người đã ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra.

Điều 10. Phối hợp tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị, phản ánh:

a) Các Sở, ban, ngành; cơ quan Trung ương đóng tại địa phương; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các Tổ chức đại diện của doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

b) Đối với kiến nghị, phản ánh những quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn, chồng chéo, mâu thuẫn, Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan đề xuất việc nghiên cứu, xử lý các quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn theo quy định của pháp luật.

c) Đối với kiến nghị, phản ánh về việc áp dụng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Các Sở, ban, ngành; cơ quan Trung ương đóng tại địa phương; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; Tổ chức đại diện của doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp huyện giải quyết các kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Các Sở, ban, ngành; cơ quan Trung ương đóng tại địa phương theo lĩnh vực quản lý; Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi địa bàn quản lý của mình tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của các Sở, ban, ngành; cơ quan Trung ương đóng tại địa phương và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 12. Phối hợp xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xây dựng, tích hợp và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị kỹ năng thực hiện việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm trong việc cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện đến hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, kịp thời đính chính, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Tòa án nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 6 Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 13. Phối hợp thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực, địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý và phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 14. Phối hợp Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 4 (đối với báo cáo định kỳ 06 tháng); trước ngày 05 tháng 10 (đối với báo cáo hàng năm).

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 (đối với báo cáo định kỳ 06 tháng); trước ngày 10 tháng 10 (đối với báo cáo hàng năm), để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Cơ quan Trung ương đóng tại địa phương báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo hệ thống ngành dọc, đồng thời gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 (đối với báo cáo định kỳ 06 tháng); trước ngày 10 tháng 10 (đối với báo cáo hàng năm), để Sở Tư pháp tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối, tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương để báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 4 (đối với báo cáo định kỳ 06 tháng); trước ngày 20 tháng 10 (đối với báo cáo hàng năm).

5. Mẫu đề cương Báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo; kỳ báo cáo, thời điểm lấy số liệu và thời điểm gửi báo cáo; hình thức và phương thức gửi báo cáo; nội dung báo cáo và việc chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong Báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 25, các điểm a, b Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính và Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 15. Phối hợp giải quyết đối với vụ việc phức tạp

1. Trường hợp vụ việc phức tạp, còn có những quan điểm chưa thống nhất trong việc xử phạt vi phạm hành chính thì cơ quan, đơn vị lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thực hiện việc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã họp các ngành, cơ quan chuyên môn để tham vấn ý kiến.

2. Trong quá trình thực hiện việc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành các quyết định liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan, đơn vị lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính chủ động trao đổi thông tin bằng văn bản, thống nhất các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả với các cơ quan có liên quan theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi thông tin, thống nhất các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả phải đảm bảo về mặt thời gian theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định liên quan.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện, Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt nghiên cứu các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính để tham mưu giải quyết đối với các vụ việc phức tạp.

Điều 16. Phối hợp trong việc tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

1. Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm hoàn chỉnh tài liệu, hồ sơ vụ việc theo quy định của pháp luật; gửi Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp huyện kiểm tra trình tự, thành phần hồ sơ, việc áp dụng pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra trình tự, thành phần hồ sơ và việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính; đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị lập hồ sơ.

Điều 17. Phối hợp hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đảm bảo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách Nhà nước cấp theo phân cấp quản lý ngân sách.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tư pháp chủ trì tổ chức, phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện quy chế này; tổ chức các cuộc họp sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kết quả thực hiện Quy chế phối hợp nhằm nâng cao, thực hiện có hiệu quả hoạt động phối hợp quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Lãnh đạo cơ quan Trung ương đóng tại địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý Nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

4. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khi phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thì gửi yêu cầu, phản ánh, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Minh Huấn